PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

PHÁP KẾT GIỚI – SĪMĀ

Bhikkhu Nāga Mahā Thera - *Tỳ khưu Bửu Chơn*

Tác phẩm 25 trong quyển
Toàn tập
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG BỬU CHƠN
(NĀGA MAHĀ THERA)

Xuất bản năm Dl. 2016 – Pl.2559

MỤC LỤC

Phi Lộ

Trong Phật giáo, tăng sự là một việc làm tối quan trọng của chư tăng, mà tăng sự hợp pháp, thành tựu hay không cũng đều do nơi chỗ có *"kiết giới - sīmā"* cả.

Vì vậy mà muốn cho tăng sự trong sạch hợp pháp thì cần phải có sīmā đúng phép là không bị hư hỏng. Mà nếu sīmā bị hư hỏng thì tất cả tăng sự (*saṅghakamma*) đều hư hỏng.

Bởi thế cho nên chỗ kết giới sīmā cần phải thận trọng kỹ lưỡng để tránh những sự đáng tiếc xảy ra khi hành tăng sự.

Bần tăng nhận thấy Phật giáo Nam Tông càng ngày càng tiến triển, tăng sự càng nhiều, có khi chỉ làm theo cổ truyền thói quen bừa bãi, thành ra tăng sự lần lần sai lệch không đúng với chánh truyền của Đức Phật, nên mới cố gắng soạn quyển "Pháp Kết giới Sīmā" này dựa theo Tam Tạng quyển 6 trang 254-345, quyển Sīmā Vinicchaya của Đ.Đ Visuddhivanga và quyển Atthakathā Vannānā để giúp thêm một tài liệu cho chư tăng và hàng tri thức chiêm nghiệm, nghiên cứu cho rõ ràng, thế nào là sīmā trong sạch, thế nào là sīmā không hợp pháp.

Do quả phước của sự biên soạn này tôi xin thành tâm hồi hướng đến giác linh của các bậc thầy tổ và song thân đã quá vãng, xin được thọ lãnh phần phước pháp thí này và tăng trưởng các sự an vui nơi nhàn cảnh. Và cũng hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong 3 giới, 4 loài đồng được thọ hưởng phước báu đều nhau hết thảy.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Mong thay!

Nāga Mahā Thera – Tỳ khưu Bửu Chơn

9/2515 – 1971

Namatthu ratanattāyassa – Xin thành kính đảnh lễ ân đức Tam Bảo

---

Pháp Kết Giới – Sīmā

A. Nguyên Nhân

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự trên núi Kỳ Xà Quật *(Gijjhakuta)* gần thành Vương Xá *(Rājagaha).* Sau khi Ngài yên tịnh trong thiền định, bèn suy nghĩ như vầy: Như Lai nên chế định các điều học, để làm giới bổn Ba-la-đề-mộc-xoa cho các thầy tỳ khưu làm lễ "Phát lộ" *(Uposathakamma).* Nghĩ xong Đức Phật cho gọi các thầy tỳ khưu lại mà lịnh rằng: "Như lai cho phép các thầy làm lễ Phát lộ trong nửa tháng một lần". Nhân cớ ấy các thầy tỳ khưu nhóm "lục sư" *(Chabbaggiya)* rủ nhau làm riêng để Phát lộ với nhóm của mình thôi. Tin này thấu đến Đức Phật, Ngài bèn ra lịnh rằng: "Các Thầy nên hòa hợp nhau mà làm lễ Phát lộ". Các Thầy không biết hòa hợp nhau bằng cách nào và phạm vi chỗ ở bao lớn, nên bạch với Đức Phật. Nhân dịp ấy Ngài mới lịnh cho làm pháp Kết Giới Sīmā.

B. Cách Kết Giới Sīmā

Trước hết chúng ta nên biết ý nghĩa của chữ "sīmā" là thế nào? *Sīmā* là tiếng gọi chung một ranh giới của một nơi nào. Vì vậy mà sīmā trước hết chia làm hai là: *baddhasīmā:* ranh giới do chư tăng đọc tuyên ngôn có trụ hoặc một vật chi để làm giới hạn; *abadha sīmā:* ranh giới chư tăng không cần tuyên ngôn để kết giới.

I. Giải về baddhasīmā

Sīmā nào mà chư tăng làm; tránh khỏi 11 điều hư hỏng của sīmā và làm đúng theo 3 điều tròn đủ và cột trụ ranh này, với trụ ranh kia cho đều đủ và đọc tuyên ngôn đúng phép gọi baddhasīmā.

Đây giải về 11 điều hư hỏng (*vipatti*). 1) *Atikhuddakā*: sīmā nhỏ quá không đủ cho 21 vị tỳ khưu ngồi hành tăng sự. 2) *Atimahati*: sīmā lớn hơn 3 do tuần

[1]. 3) *Khaṇḍa nimittā*: sīmā ranh giới không liền nhau, nghĩa là khi hỏi ranh hướng đông, rồi hỏi qua ranh hướng kế là hướng nam, hướng tây, hướng bắc, rồi ngưng lại không hỏi nữa, như vậy ranh giới sīmā không liền nhau, hoặc hỏi ranh hướng đông rồi hỏi qua hướng tây, hướng bắc rồi ngưng lại, như vậy cũng gọi ranh giới không liền nhau hoặc lấy vật không đáng làm ranh giới như lấy cây chuối, cây tre, cây dừa đều là loại cây không có lõi cũng không được. 4) *Chāyā nimittā*: lấy bóng làm ranh giới như bóng núi. 5) *Animittā*: sīmā không lấy vật chi làm ranh giới cả. 6) *Bahi sīmā thitasammatā*: đứng ngoài ranh giới sīmā mà đọc tuyên

[1] 1 do tuần 16 cây số ngàn.

ngôn chỉ định. 7) *Nadiyā sammatā*: chỉ định sīmā trong sông rạch. 8) *Samudde sammatā*: chỉ định sīmā trong biển cả. 9) *Jātassare sammatā*: chỉ định sīmā trong sao hồ thiên nhiên. Sīmā từ số 7 đến số 9, dầu cho tăng có làm sīmā cũng không gọi sīmā nghĩa là không thành tựu sīmā vì Đức Phật có dặn rằng: "Sabbā bhikkhave nadī asīmā, sabbo samuddo asīmo, sabbo jātassaro asimo – Này các thầy tỳ khưu, toàn diện bể cả, toàn diện sông, rạch, toàn diện ao, hồ đều không thể làm sīmā được". 10) *Sīmā sīnaṃ sambhindantena sammatā*: làm hư hỏng sīmā cũ của các vị tỳ khưu khác bằng cách đè lên sīmā cũ của họ bằng một sợi tóc, do sīmā mới làm của mình hoặc đè lên cỡ 4 vị tỳ khưu ngồi không vừa. 11) *Sīmā sīnaṃ ajjhottharantena sammatā*: kết giới sīmā mới của mình đè sâu vào sīmā của các vị khác đủ cho 4 vị tỳ khưu ngồi hay là đè trọn lên sīmā của các vị khác.

Khi kết giới sīmā mà gặp trường hợp 11 điều kể trên thì sīmā ấy đều bị hư hỏng hành tăng sự không thành tựu.

Sự tròn đủ - sampatti có 3: *nimitta sampatti*: tròn đủ ranh giới (vật làm ranh); *parisa sampatti*: tròn đủ số tăng hội; *kammavācā sampatti:* tròn đủ lời tuyên ngôn. *Giải rằng:*

Tròn đủ ranh giới có 8 thứ như: 1) *Pabbata nimittaṃ*: lấy núi làm ranh, núi ấy có 3 thứ: núi toàn đất, núi toàn đá, núi cả đất lẫn đá. Cỡ núi lớn bằng con voi cho đến bằng núi Tu di đều có thể lấy làm ranh được nếu nhỏ hơn con voi hoặc lớn hơn núi Sineru hoặc núi toàn là cát, cũng không dùng làm ranh giới được. 2) *Pāsāna nimittaṃ*: lấy tảng đá làm ranh, tảng đá cỡ nhỏ hơn hết, bằng cục đường mía băng lối 32 palla: cỡ 64 cân chúng ta dùng hằng ngày, nếu nhỏ hơn nữa thì không dùng được nhưng nếu lớn bằng con bò, con trâu thì được, nhưng lớn hơn đó nữa thì cũng không nên. Như lấy gạch cục lớn hoặc gom đá nho nhỏ nhiều lại thành một đống cũng không được. 3) *Vana nimittaṃ*: lấy rừng làm ranh, nếu rừng đó toàn là cỏ hay cây có lõi bên ngoài như cây dừa, cây thốt nốt cũng không nên lấy làm ranh, nếu rừng có đều cây có lõi bên trong như cây dầu, cây vang ít lắm lối 4 hoặc 5 cây thì mới nên làm ranh. 4) *Magga nimittaṃ*: lấy đường đi làm ranh, đường đi ấy nếu vắn, nhỏ để đi vào rừng hoặc ruộng rẫy thì không nên làm ranh, đường dài, đi xa người và xe bò thường qua lại thì mới nên dùng làm ranh. 5) *Vammika nimittaṃ*: lấy gò mối làm ranh, gò mối ấy cỡ thấp nhất lối 8 ngón tay (cỡ một tấc 7 phân) bề kính tròn lối bằng sừng bò, như vậy lấy làm ranh được, còn thấp và nhỏ hơn đó thì không nên. 6) *Nadī nimittaṃ*: lấy sông rạch làm ranh, sông rạch ấy nước chảy luôn luôn hoặc nơi nào trong 4 tháng mùa mưa, nước chảy không dứt chỗ ấy cũng có thể gọi là sông rạch (chú giải có nói 4 tháng mùa mưa, nước chảy không dứt, nước sâu vừa cho vị tỳ khưu ni mặc y nội đúng luật, lội ngang qua vừa ướt mí y cũng gọi là rạch) đều lấy làm ranh được. 7) *Udaka nimittaṃ*: lấy nước làm ranh, nước ấy nếu để trong ghè, trong lu hoặc một vật đựng nào đều không thể lấy làm ranh được, nước ấy là nước đọng trên mặt đất,

trong lỗ trống hoặc ao, hồ hoặc nước của đại dương đều lấy làm ranh giới được hết. Hơn nữa nếu chỗ ấy không có nước đọng, đào đất cho có lỗ sâu rồi đổ nước vào cho đầy, nước này khi tụng tuyên ngôn xong, mà còn nước chưa cạn hết, thì mới nên làm ranh giới được, sau khi làm lễ nếu nước ấy cạn đi thì nên lấy cây, đá làm trụ để ghi nhớ. 8) *Rukkha nimitta*: lấy cội cây làm ranh *(xem tr.258 phần Pāli – 259 phần tiếng Việt của Đại phẩm 1).*

Tám vật dùng làm ranh đã kể trên đều nên dùng làm ranh giới được hết thảy, nếu mỗi vật mỗi thứ giống nhau hay khác nhau như núi, đá, rừng lẫn lộn với nhau cũng đều làm ranh giới được hết. Hơn nữa số ranh giới ấy không có hạn định là bao nhiêu nhưng kể từ 3 ranh[2] sắp lên đến hằng 100 ranh cũng được. Nếu sīmā nào mà có 4 trụ ranh thì sīmā ấy có hình 4 góc vuông hoặc vuông dài như cái trống, nếu tuyên bố nhiều ranh chừng nào thì hình dáng sīmā ấy khác nhau, tùy theo địa thế của ranh.

Vì cách chỉ định ranh giới, nấy trong 8 thứ ranh ấy có đủ rồi thì vị tỳ khưu luật sư hỏi ranh hướng đông trước *"Puratthimāya disāya kiṃ nimittaṃ – hướng đông vật chi làm ranh giới?"*. Lúc ấy có tỳ khưu, sa di hay một thiện tín nào cũng có thể trả lời, nếu hướng đông có ranh bằng đá thì trả lời rằng *"Pāsāno bhante – Bạch Ngài đá"*. Kế đó vị luật sư nhìn nhận ranh ấy và nói rằng: *"Eso pāsāno nimittaṃ – ranh này là đá"*. Về cách hỏi và trả lời theo thứ tự của mỗi hướng, chỉ khác có tên hướng và vật làm ranh giới mà thôi. Nếu sīmā có 8 trụ ranh khi hỏi hướng đông rồi thì hỏi quá hướng đông nam rằng: *"Puratthimāya anudisāya kiṃ nimittaṃ – hướng đông nam lấy vật chi làm ranh giới?"* Nếu hướng nam thì hỏi "*Dakkhināya disāya kiṃ nimittaṃ – hướng đông nam lấy vật chi làm ranh giới?"* Nếu hướng tây nam thì hỏi: *"Dakkhināya anudisāya kiṃ nimittaṃ – hướng tây nam vật chi làm ranh giới?"* Nếu hướng tây thì hỏi *"Pacchimāya disāya kiṃ nimittaṃ – hướng tây vật chi làm ranh giới?"* Nếu hướng tây bắc thì hỏi *"Pacchimāya anidisāya kiṃ nimittaṃ – hướng tây bắc lấy chi làm ranh giới?*" Nếu hướng bắc thì hỏi *"Uttarāya disāya kiṃ nimittaṃ – hướng bắc lấy vật chi làm ranh giới?"* Nếu hướng đông bắc thì hỏi: *"Uttarāya anudisāya kiṃ nimittaṃ – hướng đông bắc lấy vật chi làm ranh giới?"*.

Về cách trả lời nếu hướng ấy là núi thì nói *"Pabbato bhante"*. Khi xác định thì nói *"Eso Pabbato nimittaṃ – ranh này là núi"*. Nếu rừng thì nói *"Vanaṃ bhante"*. Nếu cây thì nói *"Rukkho bhante"*. Nếu đường đi thì nói *"Maggo bhante"*. Nếu sông rạch thì nói *"Nadī bhante"*. Nếu nước đọng thì nói *"Udakaṃ bhante"* rồi vị luật sư xác định lại là *"Etaṃ udakaṃ nimittaṃ – ranh này là nước"*.

[2] Nếu sīmā nào có 3 trụ ranh thì sīmā ấy thành hình tam giác còn sīmā mà có 2 trụ ranh thì không thành hình gì cả, không dùng được.

Khi hỏi và trả lời mỗi hướng theo thứ tự xong thì nên hỏi lại ranh giới hướng đông một lần nữa, để bao vây sīmā lại, cách hỏi và trả lời đúng phép như trên thì gọi là "ranh giới tròn đủ".

Tròn đủ tăng hội là Chư tăng cu hội để làm lễ kết giới ít nhất cũng phải 4 vị còn nhiều thì vô hạn định, đồng cu hội lại một chỗ trong sīmā mới như vậy gọi là tròn đủ tăng hội.

Tròn đủ lời tuyên ngôn là tỳ khưu rành luật đọc nhị sự tuyên ngôn đúng theo giọng của mỗi chữ là không có lầm lộn giọng nhẹ và lẹ ra giọng nặng và chậm hoặc ngược lại nghĩa là đọc đúng giọng Pāli như vậy gọi là tuyên ngôn tròn đủ (Pāli tuyên ngôn sẽ chỉ phía sau).

Sīmā nào tránh khỏi 11 điều hư hỏng và được tròn đủ 3 điều như đã kể gọi là *badhhasīmā*: là sīmā có đọc tuyên ngôn cột lại.

Baddha sīmā - sīmā có cột ranh giới có 3 loại: *samāna saṃvāsa sīmā*: sīmā mà tất cả chư tăng có phận sự đồng nhau phải hòa hợp lại để làm tăng sự; *avippavāsa sīmā*: là sīmā mà chư tăng tuyên ngôn đề lên trên samāna samvāsa sīmā để cho chư tăng được phép xa cách tam y đã nguyện (là khỏi cần phải gần bên tam y 1 hoắc 1 gang khi mặt trời sắp mọc); *khaṇḍa sīmā*: sīmā nhỏ chư tăng đọc tuyên ngôn một chỗ nào trong đại sīmā đặng làm tăng sự nhất là để cho thọ cụ túc giới cho dễ dàng là khỏi nghi ngờ có các vị tỳ khưu vào trong đại sīmā khi mình đang làm tăng sự.

Về cỡ khaṇḍa sīmā, nếu nhỏ nhất là vừa cho 21 vị tỳ khưu ngồi đúng luật, nhỏ hơn thì không nên còn lớn hơn thì cỡ 100 vị ngồi cho vừa cũng được.

Về cách đọc tuyên ngôn để kết giới khaṇḍa sīmā là phải đọc tuyên ngôn 'samāna saṃvāsasīmā' trước rồi sau mới đọc tuyên ngôn 'avippavāsa sīmā' sau. Bởi vậy khi đọc tuyên ngôn hủy bỏ cũng phải đọc hủy 'avippavāsa sīmā' này ở trên rồi mới được hủy bỏ 'samāna saṃvāsa sīmā' sau (vì sīmā này ở phía dưới). Về đọc tuyên ngôn hủy bỏ có 2 lý do: sīmā nhỏ, tăng muốn làm cho lớn ra; sīmā lớn, tăng muốn làm cho nhỏ lại để chỗ cho chùa khác, rồi đọc tuyên ngôn làm sīmā nhỏ lại.

Về baddha sīmā chư tăng đã tuyên ngôn cột có ranh giới như mahā sīmā hay khaṇḍa sīmā rồi thì nếu khi hết hiệu lực có 2 duyên cớ là: chư tăng đồng lòng đọc tuyên ngôn hủy bỏ, do mãn thời kỳ Phật pháp 5000 năm.

- Pāli đọc hủy bỏ sīmā được xa lìa tam y:

"Sunātume bhante saṅgho, yo so saṅghena ticīvarena avippavāso sammato, yadi saṅghassa patta kallaṃ saṅgho taṃ ticīvarena avippavāsaṃ samūhaneyya esā ñātti.

Sunātu me bhante saṅgho, yo so saṅghena ticīvarena avippavāso sammato, saṅgho taṃ ticīvarena avippavāsaṃ samūhanatī yass'āyasmato khamati etassa ticīvarena avippavāsassa samugghāto so tuṇhassa yassa nakkhamatī so bhāseyya. Samūhato so saṅghena ticīvarena avippavāso sammato saṅgho taṃ ticīvarena avippavāsaṃ samūhanatī, yassāyasmato khamati etassa ticīvarena avippavāsassa samugghāto so tuṇhassa yassa nakkhamatī so bhāseyya. Samūhato so saṅghena ticīvarena avippavāso khamati saṅghassa tasmā tuṇhī evame taṃ dhārayāmi".

Nghĩa: "Bạch đại đức tăng xin chư tăng nghe tôi trình, nơi nào mà chư tăng đã tuyên ngôn chỉ định cho phép xa lìa tam y, nếu tăng sự này hợp thời thì tăng nên hủy bỏ nơi xa lìa tam y ấy, đây là lời tôi trình chư tăng rõ.

Bạch đại đức tăng, xin chư tăng nghe tôi trình, nơi nào mà chư tăng đã tuyên ngôn cho phép xa lìa tam y, bây giờ tăng hủy bỏ nơi xa lìa tam y ấy, sự hủy bỏ nơi chỉ định cho phép xa lìa tam y ấy, nếu đồng ý đến vị nào thì xin vị ấy làm thinh, còn nếu không vừa ý đến vị nào thì xin vị ấy nói lên cho biết. Nơi mà được phép xa lìa tam y tăng đã đồng ý hủy bỏ rồi bởi vậy chư tăng mới làm thinh. Tôi ghi nhận sự đồng ý này do nơi sự làm thinh ấy".

- Pāli đọc hủy bỏ sīmā đồng tăng sự:

"Sunātu me bhante saṅgho, yā sā saṅghena sīmā sammatā samānasaṃvāsā ek'uposathā yadi saṅghassa pattakallaṃ saṅgho taṃ sīmaṃ samūhaneyya esā ñatti.

Sunātu me bhante saṅgho, yā sā saṅghena sīmā sammatā samānasaṃvāsā ek'uposathā saṅgho taṃ sīmaṃ samūhanati, yass'āyamasmato khamati etissā sīmāya samānasaṃvāsāya ek'uposathāya samugghāto, so tuṇhassa, yassa nakkhamati so bhāseyya.

Samūhatā sā sīmā saṅghena samānasaṃvāsā ek'uposathā khamati saṅghassa tasmā tuṇhī evame taṃ dhārayāmi".

Nghĩa: "Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình sīmā nào mà tăng đã chỉ định rồi để hòa hợp nhau lại làm tăng sự như lễ Phát lộ, nếu tăng sự này hợp thời đến chư tăng thì tăng nên hủy bỏ sīmā ấy, đây là lời tôi trình tăng rõ.

Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, sīmā nào mà tăng đã chỉ định rồi để hòa hợp nhau lại làm tăng sự như lễ Phát lộ. Bây giờ tăng hủy bỏ sīmā ấy. Sự hủy bỏ sīmā có tánh cách hòa hợp nhau lại làm tăng sự như lễ Phát lộ ấy đồng ý đến vị nào thì xin vị ấy làm thinh, còn không vừa ý đến vị nào thì xin vị ấy nói lên cho biết. Sīmā mà có tánh cách hòa hợp nhau lại làm tăng sự như lễ Phát lộ ấy tăng đã hủy bỏ rồi, bởi vậy tăng mới làm thinh. Tôi xin ghi nhận sự đồng ý này, do nơi sự làm thinh ấy".

- Pāli đọc tuyên ngôn làm sīmā đồng tăng sự *(T .Tg 6è 348):*

"Sunātu me bhante saṅgho, yāvatā sammatā nimittā kittitā yadi saṅghassa pattakallaṃ saṅgho etehi nimittehi sīnaṃ sammanneyya samānasaṃvāsaṃ ek'uposathaṃ esā ñatti.

Sunātu me bhante saṅgho, yāvatā sammatā nimittā kittitā, saṅgho etehi nimittehi sīmaṃ sammannati samānasaṃvāsaṃ ek'uposathaṃ yass'āyasmato khamati etehi nimittehi sīmāya sammati samānasaṃvāsāya ek'uposathāya, so tuṇhassa, yassa nakkhamati so bhāseyya. Samatā (sā) sīmā saṅghena etehi nimittehi amānasaṃvāsāya ek'uposathā khamati saṅghassa tasmā tuṇhi evame taṃ dhārayāmi".

Nghĩa: "Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, các ranh giới đã chỉ định chung quanh đến đâu rồi, nếu tăng sự này hợp thời, tăng nên chỉ định sīmā có tánh cách hòa hợp để làm tăng sự như lễ Phát lộ, do nơi các ranh giới ấy, đây là lời tôi trình tăng rõ.

Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, các ranh giới đã chỉ định chung quanh đến đâu, bây giờ tăng tuyên bố kết giới sīmā có tánh cách hòa hợp với nhau để làm tăng sự như lễ Phát lộ, do nơi các ranh giới ấy.

Sự tuyên bố kết giới sīmā có tánh cách hòa hợp với nhau để làm tăng sự như lễ phát lộ, do nơi các ranh giới ấy. Nếu đồng ý đến vị nào rồi thì xin vị ấy làm thinh, còn không vừa ý đến vị nào thì xin vị ấy nói lên cho biết.

Tăng đã đồng ý chỉ định sīmā có tánh cách hòa hợp với nhau để làm tăng sự như lễ Phát lộ, do nơi các ranh giới ấy. Tăng đã đồng ý rồi nên tăng mới làm thinh. Tôi xin ghi nhận sự đồng ý này, do nơi sự làm thinh ấy".

- Pāli tuyên ngôn để làm sīmā xa lìa tam y:

"Sunātu me bhante saṅgho, yā sā saṅghena sīmā sammatā samānasaṃvāsā ek'uposathā, yadi saṅghassa pattakallaṃ saṅgho taṃ sīmaṃ ticīvarena avippavāsaṃ sammanneyya thapetvā gāmañca gāmupacārañca esā ñatti.

Sunātu me bhante saṅgho, yā sā saṅgha sīmā sammatā samānasaṃvāsā ek'uposathā yadi saṅgho taṃ sīmaṃ ticīvarena avippavāsaṃ sammannati thapetvā gāmañca gāmupacārañca. Yass'āyasmato khamati etissā sīmāya ticīvarena avippavāsāya sammati thapetvā gāmañca gāmupacārañca, so tunhasa yassa nakkhamati so bhāseyya.

Sammatā sā sīmā saṅghena ticīvarena avippavāsā thapetvā gāmañca gāmupacārañca khamati saṅghassa tasmā tunhī evame taṃ dhārayāmi".

Nghĩa: "Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, sīmā nào mà chư tăng đã tuyên ngôn rồi có tánh cách hòa hợp nhau để làm tăng sự như lễ Phát lộ, nếu để tăng sự này hợp thời đến chư tăng, thì xin chư tăng tuyên bố sīmā ấy là nơi được xa lìa tam y, trừ ra xóm và cận xóm, đây là lời tôi trình tăng rõ.

Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, sīmā nào mà chư tăng đã tuyên bố kết giới có tánh cách hòa hợp nhau lại làm tăng sự như lễ Phát lộ, bây giờ tuyên bố sīmā là nơi được xa lìa tam y trừ ra xóm và cận xóm. Sự tuyên bố chỉ định sīmā ấy là nơi được phép xa lìa tam y, trừ xa xóm và cận xóm, nếu đồng ý đến vị nào thì xin vị ấy làm thinh, còn không vừa ý vị nào thì xin vị ấy nói lên cho biết.

Sīmā ấy tăng đã tuyên bố chỉ định rồi là nơi được phép xa lìa tam y, trừ ra xóm và cận xóm đã đồng ý đến chư tăng, bởi vậy chư tăng mới làm thinh, tôi xin chứng nhận đồng ý này do nơi sự làm thinh ấy".

- Cách đọc tuyên ngôn chỉ định làm chỗ Phát lộ (vì sīmā lớn quá, khi chư tăng làm lễ Phát lộ chỗ này, khi thì làm chỗ khác nên Đức Phật mới cho phép nhứt định lại nên làm lễ một chỗ) không cần đọc hoặc đọc sau hết cũng được.

Cách đọc (T.Tg 6è trang 351):

"Sunātu me bhante saṅgho, yadi saṅghassa pattakallaṃ saṅgho (itthannānaṃ) vihāraṃ opusathā gāraṃ sammanneyya esā ñatti.

Sunātu me bhante saṅgho, (itthannānaṃ vihātaṃ uposathāgāraṃ sammannati yass'āyasmato khamati (itthannānaṃ) vihārassa uposathāgārasa sammati, so tuṇhassa, yassa nakkhamanti so bhāseyya.

Sammato saṅghena (itthannāno) vihāro uposathāgāraṃ khamati saṅghassa tasmā tuṇhī evame taṃ dhārayāmi".

Nghĩa: "Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, nếu lời tuyên ngôn này hợp thời đến chư tăng thì tăng nên chỉ định chỗ ở này là nơi để làm lễ Phát lộ, đây là lời tôi trình tăng rõ.

Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, bây giờ tăng chỉ định tuyên bố này là nơi để làm lễ Phát lộ. Sự chỉ định chỗ này (vihāra) là nơi để làm lễ Phát lộ, nếu đồng ý đến vị nào thì xin vị ấy làm thinh, còn không vừa ý vị nào thì xin vị ấy nói lên cho biết chỗ này chư tăng đã chỉ định là nơi để làm lễ phát lộ rồi. Sự chỉ định này đã đồng ý đến chư tăng nên chư tăng mới làm thinh. Tôi xin chứng nhận đồng ý này do nơi sự làm thinh ấy".

Trong lúc chư tăng tuyên ngôn chỉ định hai chỗ làm lễ Phát lộ trong một chỗ ở (có đại sīmā). Chư tăng có nhóm thì vào chỗ làm lễ chỗ này, có nhóm thì cu hội lại chỗ kia vì nghĩ rằng sẽ làm lễ Phát lộ tại nơi này. Nhân dịp chư tăng mới bạch với đức Phật. Đức Phật bèn ra lịnh rằng: Này các thầy tỳ khưu các thầy không nên chỉ định hai nơi để làm lễ Phát lộ trong một chỗ (*āvāsa*) thầy tỳ khưu nào làm như vậy phạm hành ác. Rồi ngài ra lịnh rằng: Này các thầy tỳ khưu các thầy nên tuyên ngôn hủy bỏ bớt một chỗ làm lễ Phát lộ. Cách hủy bỏ như vầy, thầy tỳ khưu nào rành luật đọc trình tăng:

"Sunātu me bhante saṅgho, yadi saṅghassa pattakallaṃ saṅgho (itthannānaṃ) uposathāgāraṃ samūhaneyya esā ñatti.

Sunātu me bhante saṅgho, saṅgho (itthannāmaṃ) uposathāgāraṃ samūhanati, yass'āyasmato khamati (itthannāmassa) uposathāgārassa samugghāto so tuṇhassa yassa nakkhamanti so bhāseyya. Samūhataṃ saṅghena (itthannānaṃ) uposathāgāraṃ, khamati saṅghassa tasmā tuṇhī evame taṃ dhārayāmi".

Nghĩa: "Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, nếu lời tuyên ngôn này hợp thời đến chư tăng, thì tăng nên hủy bỏ một nơi để làm lễ Phát lộ này, đây là lời tôi trình tăng rõ.

Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, bây giờ đã hủy bỏ nơi làm lễ Phát lộ tên này. Sự hủy bỏ một nơi làm lễ Phát lộ tên này, nếu đồng ý đến vị nào thì xin vị ấy làm thinh, còn không vừa ý vị nào thì xin vị ấy nói lên cho biết.

Chỗ làm lễ Phát lộ tên này tăng đã hủy bỏ rồi. Sự hủy bỏ nơi làm lễ Phát lộ tên này đã đồng ý đến chư tăng, bởi vậy tăng mới làm thinh. Tôi xin chứng nhận đồng ý này, do nơi sự làm thinh ấy".

Trong lúc chư tăng chỉ định chỗ làm để Phát lộ nhỏ quá. Ngày lễ Phát lộ hôm ấy chư tăng cu hội rất đông, các vị tỳ khưu phải ngồi bên ngoài chỗ tăng chỉ định để làm lễ Phát lộ mà nghe tụng giới bổn. Chư tăng nghĩ rằng: Đức Phật cho phép phải làm lễ Phát lộ trong nơi đã chỉ định làm lễ Phát lộ, vậy chúng ta ngồi bên ngoài không phải chỗ tăng chỉ định để nghe giới bổn, như vậy chúng ta có được làm lễ Phát lộ hay không? Các vị tỳ khưu bèn bạch với Đức Phật. Đức Phật dạy: Tỳ khưu ngồi nơi chư tăng đã chỉ định hoặc nơi kế cận không có chỉ định và nghe đọc giới bổn nơi nào, tỳ khưu ấy cũng gọi là đã được làm lễ Phát lộ vậy. Các thầy tỳ khưu, như vậy các thầy cần làm mái hiên thêm cho chỗ làm lễ Phát lộ lớn đến cỡ nào thì tăng nên chỉ định thêm mái hiên đến cỡ ấy. Này các thầy tỳ khưu tăng nên tuyên ngôn chỉ định thêm mái hiên như vầy: tăng nên chỉ định ranh giới trước. Khi chỉ định ranh giới rồi thì trình tăng như vầy:

"Sunātu me bhante saṅgho, yāvatā samantā nimittā kittitā yadi saṅghassa pattakallaṃ saṅgho etehi nimittehi uposathamukhaṃ sammaneyya esā ñatti.

Sunātu me bhante saṅgho, yāvatā samantā nimittā kittitā saṅgho etehi nimittehi uposathamukhaṃ samannati. Yass'āyasmato khamati etehi nimittehi uposathamukhassa sammati so tuṇhassa yassa nakkhamanti so bhāseyya.

Sammataṃ saṅghassa etehi nimittehi uposathamukhaṃ khamati saṅghassa tasmā tuṇhī evame taṃ dhārayāmi".

Nghĩa: "Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, các ranh giới mà chư tăng đã chỉ định chung quanh đến đâu, nếu tuyên ngôn này hợp thời đến chư tăng, tăng nên chỉ định thêm mái hiên chỗ làm lễ Phát lộ do theo ranh giới ấy, đây là lời tôi trình tăng rõ.

Bạch đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình, các ranh giới mà chư tăng đã chỉ định chung quanh đến đâu, bây giờ tuyên ngôn chỉ định thêm mái hiên chỗ làm lễ Phát lộ do nơi các ranh giới ấy. Sự chỉ định mái hiên chỗ làm lễ Phát lộ do các ranh giới ấy, nếu đồng ý đến vị nào thì xin vị ấy làm thinh, còn không vừa ý vị nào thì xin vị ấy nói lên cho biết.

Tăng đã chỉ định thêm mái hiên chỗ làm lễ Phát lộ các ranh giới rồi. Sự chỉ định thêm mái hiên chỗ làm lễ Phát lộ đã đồng ý đến chư tăng, bởi vậy tăng mới làm thinh. Tôi xin chứng nhận đồng ý này do nơi sự làm thinh ấy".

II. Giải về abbadha sīmā: là sīmā tăng không cần đọc tuyên ngôn để kết giới

Sīmā mà tăng không cần đọc tuyên ngôn chỉ định gọi là abbadha sīmā. Có 3 thứ hay là 4 thứ là: gāma sīmā, sattabbhantara sīmā, udakukkhepa sīmā. Nếu 4 thứ thì thêm visumgāma sīmā.

1. Nói về gāma sīmā

Trong mỗi làng, mỗi thị xã (châu thành, tỉnh lỵ) toàn thể ranh giới ấy đến đâu gọi là sīmā đến đấy. Đức Phật cho phép các vị tỳ khưu cư ngụ trong 1 làng, 1 xóm đồng chung 1 sīmā như "Asammatāya bhikkhave sīmāya atthapitāya yaṃ gāmaṃ vā nigāmaṃ vā upanissāya viharati yā gāmassa vā gāma sīmā nigāmassa vā nigama sīmā ayaṃ tattha samānasamvāsā ek'uposathā – Này các thầy tỳ khưu, khi chư tăng chưa có kết giới, chưa có chỉ định sīmā mà thầy tỳ khưu vào cư ngụ trong 1 làng, một thị xã nào thì làng hay thị xã ấy lớn, nhỏ cỡ nào[3] đều là sīmā có tánh cách hòa hợp với nhau lại để làm tăng sự như lễ Phát lộ hết thảy".

Theo chú giải chữ 'gāma' có thể gọi là quận hay xứ còn 'nigāma' thì gọi là chợ, thị xã, đô thị, vì vậy mà 1 thị xã nào, 1 tỉnh lỵ nào, 1 làng nào có ranh giới đến đây đều là gāma sīmā hết thảy. Bởi vậy cho nên dầu là sīmā trọn 1 làng, 1 đô thị, 1 thị xã đều có thể hành tăng sự được như thọ cụ túc giới, làm lễ Phát lộ… được hết thảy (nhưng khó 1 điều là phải gom lại tất cả các vị tỳ khưu nào cư ngụ trong ranh giới ấy lại 1 chỗ mới hành tăng sự được, nếu có 1 vị nào ở ngoài 1 hắc 1 gang thì tăng sự không thành tựu vì bị chia rẽ) nhưng khác hơn baddha sīmā là không thể xa lìa tam y lúc mặt trời mọc được mà thôi.

2. Giải luôn về sự visumgāma sīmā

Visumgāma sīmā là sīmā riêng biệt. Vì người nào có ân đức gì với Đức Vua, Ngài mới ban đứt cho một nơi nào, làng nào, xứ nào thì chỗ nơi ấy gọi là visumgāma: xứ riêng biệt, chỗ ấy cũng gọi là sīmā của xứ riêng biệt: visumgāma sīmā chỗ này rộng bao lớn thì tất cả chư tăng đến cư ngụ nơi ấy đều phải hòa hợp nhau cu hội lại để làm tăng sự.

[3] Gāma sīmā có thể lớn dài đến 12 do tuần.

3. Udakukkhepa sīmā - sīmā làm trong nước

Ở trong ao hồ, sông rạch và biển cả, người bực trung hai tay bụm nước lại rải đến đâu chung quanh chỗ mình đứng thì trong phạm vi ấy gọi là sīmā trong 1 lần rải nước *(udakukkhepa sīmā)*. Các nơi sông rạch, ao, hồ đã kể trên, trước tiên Đức Phật không cho phép làm baddha sīmā là sīmā có cột ranh giới.

Nhưng khi sau này Đức Phật mới cho phép làm sīmā trong một lần rải nước, trong các nơi ấy như vầy: Nadiyā vā bhikkhave samuddhe vā jātassare vā yaṃ majjhimassa purissa samantā udakukkhepa ayaṃ tattha samānasamvāsā ekuposathā – Này các vị tỳ khưu, các nơi sông rạch ao hồ, biển cả nào mà trong vòng một người bực trung rải nước chung quanh chỗ đó gọi là sīmā trong một lần rải nước, chư tăng phải hòa hợp lại trong phạm vi ấy để làm tăng sự như lễ Phát lộ. Theo chú giải gọi là một lần rải nước đó như người bực trung lấy nước hay là cát thảy rải hết sức mình, nước hay cát rớt đến đâu thì chỗ ấy gọi là một lần rải nước, lần rải nước ấy kể từ vị ngồi hay đứng cuối cùng của chư tăng cu hội.

Nếu có nhiều nhóm chư tăng hành tăng sự đồng một lúc thì phải để cách khoảng một lần rải nước giữa hai sīmā ấy. Nếu chư tăng muốn làm tăng sự nơi nước sâu quá thì nên dùng ghe thuyền, bè mà làm lễ, nếu ghe thuyền ấy trôi tới trôi lui thì không nên làm tăng sự, vì một lần rải nước đã có hạn định chung quanh bao nhiêu mà thôi, khi tuyên ngôn đã lọt ra khỏi vòng nhứt định của sīmā. Bởi vậy cho nên muốn làm tăng sự trên ghe thuyền thì phải cắm sào hay trụ cho thật chặt, hay cột đá to bỏ xuống nước cho thật vững hoặc có neo bỏ xuống cho ghe thuyền đứng vững hay cột vào cây mọc ngay trong nước cũng được, rồi sẽ làm tăng sự. Nếu ghe chỉ trôi tới trôi lui chút ít trong lần rải nước thì không sao.

Hơn nữa, nếu cột ghe thuyền dính với cây mọc trong nước, dầu cho cây ấy có ngoài vòng lần rải nước sīmā cũng được, bởi nước ấy và nước trong sīmā cũng đồng một tánh chất với nhau. Nhưng cấm hẳn không cho cột ghe thuyền dính với trụ hoặc cây ở trên bờ (khô) bởi vì mé bờ và nước không có liên quan với nhau. Nên tỳ khưu ở trên giàn, trên nhà, trên bè mà ở trong nước thì làm tăng sự cũng được hết nhưng chỉ ở trong một lần rải nước mà thôi.

Nếu tỳ khưu ở trên cầu, cột cầu và hai đầu cầu đều ở dưới sông cũng làm tăng sự được. Nếu hai đầu cầu và cột cầu mà dính đến mé bờ như vậy thì không nên hành tăng sự. Còn nếu cột cầu ở dưới nước nhưng hai đầu cầu dài khỏi mé bờ cao lên không có dính với mặt đất ở bờ, thì các vị tỳ khưu ở trên cầu ấy hành tăng sự cũng được hết.

4. Sattabbhantara sīmā: sīmā có 7

Abbhantara: Ở trong rừng không phải là làng xóm, trong khoảng chung quanh chỗ vị tỳ khưu cư ngụ có sīmā 7 abbhantara mỗi phía. Đức Phật Ngài cho phép

các thầy tỳ khưu ở trong rừng như vầy: “Agāmake bhikkhave araññа samantā sattabbhantarā ayaṃ tattha samānasaṃvāsā ek’uposathā – Này các thầy tỳ khưu, tỳ khưu ở trong rừng không phải là xóm làng thì có sīmā 7 abbhantara chung quanh chỗ ấy chư tăng phải hòa hợp lại để làm tăng sự như lễ Phát lộ”.

Trong chú giải nói mỗi abbhantara có 28 hắt tay (mỗi hắt tay có 2 gang, mỗi gang có 12 ngón, mỗi ngón có 7 hột lúa sắp xuôi). Thì ra 28 hắt lối 14 thước tây; 7 lần 14 m: 98 thước. Kể từ chỗ vị tỳ khưu ấy ra 4 hướng mỗi hướng đều có 7 abbhantara hết thảy, nghĩa là mỗi vị kể bề ngang qua 14 abbhantara. Khi mặt trời mọc lên y của vị nào cư ngụ nơi khoản 14 abbhantara ấy được phép xa lìa khỏi phạm ưng xả đối trị, nếu để y ngoài vòng 14 abbhantara ấy thì phạm ưng xả đối trị. Nếu tăng họp lại làm tăng sự thì phải kể đo từ vị ngồi cuối cùng trở ra cho đúng 7 *abbhantara* mỗi phía. Nếu tăng 2 nhóm đồng hành tăng sự thì nên để trống khoảng cách nhau 1 lối abbhantara ra gọi là sīmantarika (cách khoảng sīmā) như vậy khỏi phải hoài nghi trong khi hành tăng sự.

Đây giải thế nào gọi là rừng và xóm. Chỗ nói xóm làng ấy có một cái nhà hay nhiều cái, có hàng rào chung quanh hay không có, có người ở hay không có người ở, nói cho cùng dầu cho chỗ nào mà bọn lái buôn dừng chân lại cư ngụ trong thời gian 4 tháng đều gọi là xóm làng hết thảy. Nếu xóm làng nào có hàng rào chung quanh thì kể từ hàng rào ấy trở vô là xóm, còn không có hàng rào thì kể từ nhà cuối xóm tạt ra một lằn nước gọi là cận nhà, từ chỗ cận nhà ấy trở ra, người bực trung đứng đó liệng một cục đất, cục đất rớt bao xa thì từ đó trở vô cũng gọi là xóm. Còn chỗ cận xóm là nếu xóm có hàng rào… rào chung quanh, thì kể từ chỗ người bực trung liệng một cục đất rớt đến đâu thì từ cục đất ấy trở vô gọi là cận xóm. Còn như xóm không có hàng rào thì kể từ chỗ liệng cục đất thứ hai rớt xuống đến đâu chỗ ấy gọi là cận xóm. Nếu xóm mà có hàng rào hai lớp thì kể từ hàng rào thứ nhất, liệng thêm một cục đất rớt nơi nào thì khoảng ấy gọi là cận xóm.

Ngoài chỗ xóm và cận xóm ra đều gọi là rừng hết thảy. Nói là chỗ cư ngụ trong rừng không phải chỗ trừ xóm và cận xóm mà còn phải trừ khoảng cách chỗ mình ở như sau. Nếu chỗ ở trong rừng mà có hàng rào, thì từ hàng rào trở vô thuộc địa phận của chùa, từ hàng rào trở ra lối một cục đất do người bực trung liệng ra thì gọi là cận chùa. Nếu chùa không có hàng rào thì phải nhứt định chỗ liêu cốc cuối cùng hay cây bồ đề, nhà giảng đường, bảo tháp v.v… lối một cục đất liệng ra khỏi chỗ đó thì gọi là vòng chùa, từ đó liệng thêm một cục đất nữa rớt đến đâu thì gọi là cận chùa. Cách nhứt định vòng chùa và cận chùa như vậy không được đè chụp lên phạm vi của xóm và cận xóm phải còn cách khoảng rời ra mới được.

Nhưng nếu giải rộng theo Tạng Kinh thì phải nhứt định từ hàng rào xóm đến chỗ ở trong rừng xa lối 500 cây cung (là lối 1000 thước) nếu hai bên đều không có

hàng rào thì phải nhứt định kể từ một cục đất thứ hai bên liệng rớt xuống còn cách khoảng lối 1000 thước mới được.

C. Linh Tinh - Sự Dính Líu Của Sīmā

Như đã giải ở số 10 về sự hư hỏng sīmā là sīmā dính lại với nhau hay đè lên nhau nói cho cùng dầu ở bằng sợi tóc thì sīmā ấy đã bị hư hoại; mà khi sīmā đã bị hỏng mà không hay biết cứ hành tăng sự thì tất cả tăng ấy đều không thành tựu. Như chúng ta biết thì có 2 thứ sīmā là: *baddha sīmā*: là sīmā tăng có đọc tuyên ngôn; *abaddha sīmā*: là sīmā tăng không cần đọc tuyên ngôn như gāma sīmā hay visuṃgāma sīmā.

Như vậy chỗ nào cũng có sīmā, mà một khi sīmā đã có cột ranh giới rồi thì không được đè qua hay dính qua sīmā khác, như *atthakathā vannanā* trong 1063 có giải rằng: dầu cho nhánh cây trong đại sīmā hay gāma sīmā mà đè qua hay đè lên khaṇḍa sīmā (là sīmā có cột ranh giới) hay là nhánh cây từ bên khaṇḍa sīmā thì trong khi hành tăng sự phải cho người mé nhánh ấy đi cho khỏi bị đè dính trên sīmā nào mới hành tăng sự được, nếu không làm như vậy thì sīmā ấy đã bị hư hỏng vì liên quan với nhau trở thành ra đại sīmā hay gāma sīmā mà chư tăng cứ làm tăng sự trong lúc ấy dầu có một vị tỳ khưu đi vào trong đại sīmā ấy mà không hay thì tăng sự ấy bị hư hỏng vì tăng sự bị chia rẽ.

Bởi vậy cho nên muốn khỏi nghi ngờ tăng sự có thành tựu hay không thì trong khi hành tăng sự, sīmā phải hoàn toàn riêng biệt (completementisolée) như các chùa trên xứ Cao Miên hay trên Lào vậy. Còn bên Tích Lan thì phần nhiều các chùa đều không có làm sīmā vì một lần làm sīmā cho đúng phép rất khó, nên họ thường làm sīmā ở trên núi xa hay làm ở dưới nước một cái chòi nhỏ ở giữa hồ, khi cần hành tăng sự thì họ ra các nơi ấy mà làm cho khỏi hoài nghi tăng sự bị chia rẽ.

Đây giải về tăng sự có 4 cách.

1. *Adhamma vaggakammaṃ:* tăng sự không hợp pháp và tăng chúng chia phe. Giải rằng: tăng sự phải đọc 2 lần là 1 lần trình tăng *(ñatti)* 1 lần tuyên ngôn *(kammavācā)* nhưng chỉ đọc *ñatti* 1 lần mà thôi chớ không đọc *kammavācā* như vậy gọi là tăng sự không hợp pháp, hơn nữa bao nhiêu chư tăng đồng trong 1 sīmā không cu hội lại đủ hay có tỏ sự ưng thuận *(chanda)* của mình mà cũng cứ hành tăng sự, như vậy gọi là tăng chúng chia phe, tăng sự này dầu cho làm rồi cũng không thành tựu.

2. *Adhamma samaggakammaṃ*: tăng sự không hợp pháp nhưng chư tăng hòa hợp không chia phe. Giải rằng: tăng sự phải đọc 2 lần là 1 lần trình tăng *(ñatti)* 1 lần tuyên ngôn (*kammavācā)* nhưng đọc luôn 2 lần *ñatti* không đọc *kammavācā* như vậy tăng sự không hợp pháp, hơn nữa bao nhiêu chư tăng đồng trong 1 sīmā cu

hội lại đủ hoặc vị nào bệnh hoạn hay hay bận rộn thì có cho sự ưng thuận đồng ý của mình như vậy gọi là tăng chúng hòa hợp không chia phe, tăng sự này cũng không thành tựu.

3. *Adhammena vaggakammaṃ*: tăng sự hợp pháp nhưng chư tăng chia phe. Giải rằng: tăng sự phải đọc 2 lần là 1 lần trình tăng *(ñatti)* 1 lần tuyên ngôn *(kammavācā)* vị luật sư đọc đúng theo thứ tự, như vậy tăng sự hợp pháp, nhưng bao nhiêu chư tăng đồng trong 1 sīmā không cu hội lại đầy đủ, còn những vị nào cần tỏ sự ưng thuận đồng ý của mình cũng không cho như vậy gọi là tăng chúng chia phe, tăng sự này có hành cũng không thành tựu.

4. *Dhammena samaggakammaṃ*: tăng sự hợp pháp luôn cả chư tăng cũng hòa hợp không chia phe. Giải rằng: tăng sự phải đọc 2 lần, hay 4 lần là 1 lần trình tăng *(ñatti)* 1 lần tuyên ngôn hay 3 lần tuyên ngôn *(kammavācā)* thì vị luật sư cũng đọc theo thứ tự đầy đủ đúng phép, như vậy tăng sự hợp pháp, còn chư tăng bao nhiêu vị đồng trong 1 sīmā đều cu hội lại đông đủ không thiếu vị nào, còn vị nào bịnh hoạn hay có phận sự bận rộn cũng tỏ sự ưng thuận đồng ý của mình, như vậy gọi là tăng chúng hòa hợp không có chia phe, tăng sự này khi hành xong thì thành tựu.

Tất cả 4 cách hành tăng sự 3 cách trên đều hư hỏng dầu có hành rồi thì cũng như không, trái lại còn phạm tội là khác. Chỉ có tăng sự thứ 4 mới được thành tựu mỹ mãn mà thôi.

Trong khi hành tăng sự chỉ có 1 vị tỳ khưu cùng ở chung trong 1 *gāma sīmā* dài lớn đến 12 do tuần mà không hay vào không đến cu hội lại hòa hợp để làm tăng sự thì tăng sự ấy dầu chư tăng 30 vị có làm rồi cũng bị hư hỏng vì tăng sự chia phe. Vì vậy mà mỗi khi hành tăng sự nào chư tăng cần phải thận trọng trong khi sử dụng *gāma sīmā*, vì gāma sīmā rất rộng lớn trong khi đang hành tăng sự sợ có vị tỳ khưu nào khách phương xa vào trong lúc đang hành tăng sự thì tăng sự ấy phải bị hư hỏng, vì vậy trong luật có dặn khi sử dụng *gāma sīmā* thì nên cho người gác canh chừng sợ có vị tỳ khưu nào đến trong khi đang hành tăng sự thì cản vị ấy không cho vào ranh *gāma sīmā*, chư tăng hành tăng sự xong mới được vào.

Bần tăng giải về sīmā tóm tắt đến đây cũng vừa dứt.
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Soạn xong tại Phổ Minh tự, mùa Hạ năm Tân Hợi 8/1971-2515

– Dứt tác phẩm 25. Pháp kết giới sīmā –